

Bản án số: 1483/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-10-2018

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nghĩa
2. Ông Bùi Quang Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 23/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 339/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 về vụ việc tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4757/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Tố L, sinh năm: 1969

Địa chỉ: 30/2 đường N, Phường K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 295/8 Đường H, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Abe M, sinh năm: 1969

Quốc tịch: Nhật (Japan)

Địa chỉ: X City Yamagata Japan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Nguyễn Tố L:

Ngày 09 tháng 02 năm 2001, bà và ông Abe M đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, vào sổ đăng ký số 612 quyển số 4. Sau khi kết hôn, ông Abe M trở về Nhật sinh sống và làm việc.

Tháng 05 năm 2001, bà có qua Nhật đoàn tụ với chồng, hạnh phúc gia đình kéo dài không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tình tình không phù hợp nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Tháng 12 năm 2001, bà trở về Việt Nam sinh sống và làm việc còn ông Abe M vẫn ở lại Nhật.

Sau khi về Việt Nam thì ông Abe M không thường xuyên liên lạc cũng như trở về Việt Nam thăm bà. Do khoảng cách địa lý, thời gian xa cách kéo dài nên bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và đã tự chấm dứt hôn với ông Abe M từ đó cho đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị được ly hôn với ông Abe M ổn định cuộc sống riêng.

Con chung: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Trí D, sinh ngày 07/7/2002, giới tính: Nam. Hiện nay, trẻ D đang ở cùng với bà tại Việt Nam, bà đề nghị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Abe M cấp dưỡng nuôi con chung đến khi trưởng thành.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được vì ông Abe M đang cư trú tại Nhật Bản.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà Nguyễn Tố L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Tố L, cho bà L được ly hôn với ông Abe M. Con chung: Giao trẻ Nguyễn Trí D, sinh ngày 07/7/2002, giới tính: Nam cho bà Nguyễn Tố L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của ông Abe M. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Tô L đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với ông Abe M; Quốc tịch: Nhật hiện đang cư ngụ sinh sống tại Nhật Bản. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập họp lệ bà Nguyễn Tô L tham gia phiên tòa vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 23/10/2018 nhưng bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 09/7/2018.

Đối với ông Abe M, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm cho ông Abe M tại địa chỉ: X City Yamagata Japan.

Ngày 06/12/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ gửi Văn bản thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án dân sự sơ thẩm số 640/UTTPDS-TA30 cho ông Abe M. Theo nội dung Thông báo nêu trên thì thời gian mở phiên tòa sơ thẩm xét xử lần 1 vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 02/8/2018; Trong trường hợp phải hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự do bị đơn vắng mặt mà không có đơn xin vắng mặt, không có đơn xin hoãn phiên tòa nhưng có đã có văn bản trình bày ý kiến kèm theo tài liệu, chứng cứ thì phiên tòa lần 2 sẽ được mở lại vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 03/9/2018; Trong trường hợp phải hoãn phiên tòa theo qui định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự do Tòa án không nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của bị đơn cư trú ở nước ngoài thì phiên tòa lần 2 sẽ được mở lại vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 23/10/2018.

Ngày 02/3/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận được Văn bản số 158/CH-BTP ngày 18/01/2018 về việc Bộ Tư pháp đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp đến Bộ Ngoại giao Nhật Bản để thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự đối với đương sự Abe M hiện đang cư trú tại Nhật Bản.

Đã hết thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông Abe M; Đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ông Abe M không có mặt, cũng không có văn bản trả lời, không có đơn xin xét xử vắng mặt được cơ quan đại diện ngoại giao của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Nhật Bản xác nhận chữ ký hoặc hợp pháp hóa lãnh sự.

Ngày 15/8/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có gửi Công văn số 4767/TATP-TGĐVNCTN gửi Bộ Tư pháp với nội dung đề nghị Bộ Tư pháp thông báo kết quả ủy thác tư pháp đối với ông Abe M, sinh năm 1969,

quốc tịch Nhật có địa chỉ tại X City Yamagata Japan. Ngày 21/9/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản số 2327/CH-BTP ngày 13/9/2018 của Bộ Tư pháp gửi đến Bộ Ngoại giao Nhật Bản về việc thực hiện ủy thác đối với ông Abe M tuy nhiên cho đến nay Bộ Tư pháp vẫn chưa nhận được kết quả trả lời. Đến ngày mở phiên tòa xét xử ông Abe M vắng mặt.

Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Tố L có đủ căn cứ để xác định:

- Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Tố L và ông Abe M ngày 09/02/2001, vào sổ đăng ký kết hôn số 612 quyển số 4 thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Abe M là hôn nhân hợp pháp.

Theo như bà L trình bày, sau khi kết hôn bà và ông Abe M sống khoảng thời gian gần 01 năm tại Nhật Bản. Trong khoảng thời gian chung sống cùng nhau thì chỉ có khoảng thời gian đầu là hạnh phúc, về sau thì phát sinh mâu thuẫn về quan điểm và lối sống hàng ngày. Bà và ông nhiều lần nói chuyện, hòa giải để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đều không đạt được mà càng làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Tháng 12 năm 2001, bà trở về Việt Nam sinh sống làm việc còn ông Abe M vẫn ở lại Nhật Bản.

Từ khi bà về Việt Nam đến nay, ông Abe M không có liên lạc hay trở về Việt Nam thăm bà và gia đình nên bà đã tự chấm dứt hôn nhân với ông Abe M vì mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được, hoàn cảnh mỗi người mỗi nơi lại không có cơ hội đoàn tụ gia đình.

Về phía ông Abe M, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho ông theo đúng thủ tục luật định nhưng ông Abe M không hồi báo. Điều này cũng chứng tỏ ông Abe M không quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi vợ chồng thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống. Do đó bà Nguyễn Tố L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông Abe M là có căn cứ chấp nhận để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng sau này.

Con chung: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Trí D, sinh ngày 07/7/2002, giới tính: Nam. Hiện nay, trẻ D đang sống cùng bà Nguyễn Tố L tại Việt Nam. Bà L đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu ông Abe M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 22/8/2017, trẻ Nguyễn Trí D cũng có mong muốn ở

cùng với mẹ khi ba mẹ không còn chung sống cùng nhau. Mặt khác, để đảm bảo quyền lợi cho trẻ phát triển toàn diện, không làm xáo trộn cuộc sống của trẻ nên giao trẻ Nguyễn Trí D cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Do ông Abe M không có lời khai hay tài liệu chứng cứ về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung gửi cho Tòa án về vụ việc ly hôn nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của ông Abe M theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

-Về án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Tố L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Tố L.

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Tố L được ly hôn với ông Abe M.

Con chung: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Trí D, sinh ngày 07/7/2002; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam.

Giao con chung là trẻ Nguyễn Trí D, sinh ngày 07/7/2002 cho bà Nguyễn Tố L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Abe M.

Ông Abe M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không được ai cản trở.

Vì quyền và lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Tô L chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được căn trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí số 0047148 ngày 13/7/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bà Nguyễn Tô L nhận tổng đạt hợp lệ bản án. Đối với ông Abe M thời hạn kháng cáo bản án là 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM (Sở Tư pháp);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thọ Viên